



ƯỚC MƠ VẪN CÒN ĐÂY

Thấm thoát đã bốn mươi một năm trôi qua, lòng nào quên được! Bốn mươi một năm kể từ ngày quốc hận 30 tháng 4 năm 1975, ngày các quốc gia đồng minh cùng nhau khai tử một quốc gia hợp hiến, hợp pháp trên thế giới có quốc kỳ, quốc ca và có tên trong Liên Hiệp Quốc: nước **Việt Nam Cộng Hòa**, một hòn ngọc viễn đông, đã từng được gắn tên: **Tiền đồn của thế giới tự do**. Nhưng thật đau xót, cũng chính những “người bạn”, một thời là Đồng minh, đã bỏ rơi cái tiền đồn này vì những toan tính và lợi ích riêng của họ!

Cho dù đồng minh có biện hộ cho sự phản bội này với muôn ngàn lý do, dưới nhiều hình thức, thì hành động này là một tội ác vô cùng to lớn đối với dân tộc Việt Nam, và đã vi phạm công pháp quốc tế không thể chối cãi được. Hậu quả và hệ lụy của nó đã để lại biết bao nhiêu nỗi niềm thương đau cho đồng bào miền Nam Việt Nam trong suốt bốn mươi một năm trời và sẽ còn tiếp tục khi chế độ cộng sản còn tồn tại.

Bốn mươi một năm là một quãng đời rất dài trong một kiếp người. Có khi là nửa cuộc đời của người này hay là cả một

đòi của kẻ khác. Đã làm người bất luận già hay trẻ, trai hay gái bất kỳ ở đâu và hoàn cảnh nào đi chăng nữa ai cũng có một ước mơ. Ước mơ thật ra là nhu cầu cần thiết hàng ngày; tuy nhiên ước mơ của mỗi người sẽ thay đổi theo thời gian,



hoàn cảnh và theo từng lứa tuổi.

Sinh ra làm kiếp người không tật nguyên là may mắn đầu tiên, kế đến được cấp sách đến trường đi học đến nơi đến chốn, được xây dựng ước mơ cùng lý tưởng người trai trong thời loạn chống lại sự xâm lăng của cộng sản bảo vệ quê hương thì có thể nói rằng tôi được sinh ra dưới một vì sao tốt. Vì sao ư! Vì được hấp thụ một nền giáo dục nhân bản và được huấn luyện trong một quân trường nổi tiếng của vùng Đông Nam Á với một lý tưởng quốc gia kiên định vững chắc.

Khi còn bé bước đầu đời đi học trường mẫu giáo ở quận 3 Saigon, niềm ước mơ lúc bấy giờ rất nhỏ nhoi không gì ngoài cái bánh, cái quà mẹ cho khi đi học về hay mỗi khi thức dậy; hay được một bộ quần áo mới xúng xáo xúng xính cho ngày khai trường hay trong những ngày Tết Âm Lịch với những phong bì tiền lì xì đầy túi cùng đầy đủ bánh mứt tha hồ ăn cho thỏa thích. Rồi được rước đèn trung thu mỗi năm vào rằm tháng tám âm lịch và ăn bánh trung thu nhiều loại...

Một niềm mơ ước tuổi ấu thơ dưới thời đệ nhất Cộng Hòa. Ôi, một thời được coi là thanh bình thịnh vượng!

*Nhớ buổi thanh bình tuổi ấu thơ
Để thương để quý những ước mơ.*

Rồi một năm sau đó khi bước lên tiểu học niềm mơ ước nhỏ nhoi ấy đã dần dần đổi thay hơn tí nữa là có được chiếc xe đạp lộc cộc quanh nhà, được đi học nhạc, học đàn guitar, rồi học võ nhu đạo tại trung tâm nhu đạo Quang Trung và võ thái cực đạo tại trường trung học như những người bạn cùng lớp hay trẻ con hàng xóm. Còn ngoan ngoãn chăm chỉ học hành cho giỏi để thi đậu vào một trong các trường trung học công lập danh tiếng ở Saigon lúc bấy giờ cũng chỉ là làm cho cha mẹ vui lòng thôi chứ chưa phải là nguyện vọng chính.

Sau năm năm hoàn tất bậc tiểu học cũng ở quận 3 Saigon, đến khi thi đậu vào một trong những trường nam trung học công lập nổi tiếng ở Saigon bấy giờ, trường tọa lạc trên con đường Nguyễn Bình Khiêm quận 1 Saigon đối diện Thảo Cầm Viên, hai bên đường có hai hàng cây cao bóng mát đầy lá vàng rơi một địa điểm đẹp và thơ mộng; tuy lớp học cứ phải ngưng vài phút vì trực thăng bên phủ Thủ Tướng lên xuống hàng ngày ngay sau lưng trường mỗi buổi sáng.

Trường trung học khuyến khích học sinh tranh đua về nhiều phương diện trong đó có đề tài hùng biện anh ngữ do Hội Việt Mỹ tổ chức hàng năm rất hào hứng. Niềm mơ ước lúc này là cố gắng học giỏi, tương lai được du học rồi trở về nước có việc làm tốt, có mái ấm gia đình vợ đẹp con ngoan cho cha mẹ hãnh diện cùng giúp đỡ cha mẹ khi tuổi xế chiều như những người bạn cùng trường lúc đó.

Nhưng vào khoảng thập niên sáu mươi, chiến cuộc leo thang, tin tức chiến sự nóng bỏng hàng ngày qua máy truyền thanh hay qua vô tuyến truyền hình cũng như báo chí rầm rộ đăng tin cùng những hình ảnh chiến trường trên khắp bốn vùng chiến thuật; thế nhưng Saigon vẫn chưa hề trải qua kinh nghiệm thật sự. Hàng đêm chỉ nghe tiếng bom rơi vang dội từ một nơi xa xôi nào đó trên quê hương yêu dấu. Rồi một ngày, bỗng nhiên những cuộc pháo kích bừa bãi của cộng quân rơi vào thủ đô đã sát hại biết bao người dân lành vô tội làm cuộc sống người dân Saigon bắt đầu hoang mang lo sợ khi phải làm hầm chống pháo kích của giặc cộng trong nhà.

Trong suốt bảy năm thời trung học, cứ mỗi cuối niên học sinh có 3 tháng hè vui chơi thỏa thích và được lên một lớp là cộng thêm một tuổi. Hoàn cảnh chính trị và xã hội lúc bấy giờ dưới nền Đệ Nhị Cộng Hòa, dân chúng thủ đô Saigon vẫn còn được đi xem phim ngoại quốc nổi tiếng vào những ngày cuối tuần hay ra ngoại thành ăn uống, hóng mát v.v..

Lúc này hình ảnh người lính Việt Nam Cộng Hòa và quân nhân đồng minh trong quân phục bắt đầu xuất hiện nhiều trên những đường phố Sài gòn. Niềm mơ ước nhỏ nhoi ngày xưa không còn nữa mà đã âm thầm cùng bước nhịp song hành với tình hình đất nước khi Saigon bước vào cơn thử thách lớn lao trong biến cố Tết Mậu Thân 1968. Trong lúc tiếng pháo đón Giao Thừa nổ vang rền, Cộng quân vi phạm lệnh hưu chiến tạm thời, bất chấp những giây phút thiêng liêng nhất của ngày đầu năm, đã tấn công vào hầu hết các tỉnh thành của miền Nam Việt Nam và ngay cả thủ đô Saigon.

Người dân miền Nam nói chung và người dân Saigon nói riêng đã tận mắt chứng kiến những cảnh tàn khốc, đau thương của chiến tranh: nhà cháy, người chết, phố xá tan hoang, người thân yêu gục ngã vì súng đạn. Họ chứng kiến những hành động dã man của cộng quân: xả súng bắn vào bao người dân vô tội ngay cả trẻ em và phụ nữ cùng những nắm mồ chôn tập thể ở Huế,...

Những tin tức nóng bỏng hàng giờ, qua các đài phát thanh Quân Đội và Saigon, nói về những người lính thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa anh dũng từng bước tái chiếm đài phát thanh Saigon, từng căn nhà cao tầng v.v.. đánh đuổi giặc cộng ra khỏi thủ đô thân yêu, họ hy sinh thân mạng để đem an bình lại cho người dân.

Những hình ảnh cao đẹp và oai hùng đó đã để lại sự kính mến và ngưỡng mộ trong lòng người dân miền Nam; đặc biệt với lớp thanh thiếu niên đang học những năm cuối của bậc trung học. Những tình cảm này đã biến ước mơ thành sự thật

đề rồi tôi đi đến quyết định ký tên tình nguyện gia nhập quân đội với phương châm "TỰ THẮNG ĐỂ CHỈ HUY"



Không phải ước mơ nào cũng êm đềm như trên nhung lụa, có cái bị đắm chìm trong thù hận. Khi cái ngày tháng tư đen ấy đang gần đến, vừa hết ngày phép tôi đã cãi lời cha mẹ, chia tay cùng gia đình trở về trường tiếp tục cầm

súng chiến đấu quyết không làm người lính đào ngũ; cùng thời gian ấy cả gia đình đang chuẩn bị lên tàu Trường Xuân vượt thoát chế độ cộng sản trong những ngày dầu sôi lửa bỏng.

Đề rồi sau ngày quốc hận 30 tháng 4 đó, tôi bị khóa cho cái tội gia đình là “ngụy quyền” chạy theo Mỹ và bản thân là “ngụy quân” nên bị đối xử như tù nhân không có quyền công dân, không có hộ khẩu. Không được phép vắng nhà cũng như không có tiêu chuẩn được mua 9kg bo bo mỗi tháng. Không công ăn việc làm, không một đồng dính túi. Như thế đấy mà vẫn còn tồn tại, đúng là trời sinh thì trời dưỡng.

Cộng thêm những thử thách tù đày của những cuộc vượt biên thất bại hết lần này đến lần khác. Ước mơ ngày xưa ấy đã được thử thách mạnh mẽ, tứ cố vô thân trong những ngày sau tháng tư đen dưới gông cùm cộng sản. Cả bầu trời lúc đó chỉ là một màu xám đen, mỗi ngày một lớn hơn, càng bám víu thì càng xa vời trong tuyệt vọng như rơi xuống vực sâu thăm tận cùng không đáy.

Ước mơ không những bị thử thách mà đôi khi bị lãng quên như trong những ngày lênh đênh trên biển cả khi con thuyền nhỏ mong manh không dài hơn 10 thước chứa 51 con người

già trẻ lớn bé liều mình trước phong ba bão táp của đại dương trong lúc các con tàu ngoại quốc ngoảnh mặt quay đi vì nhiều lý do khi bàn cờ chính trị đã vào thế cờ tàn.



Và những thử thách mới đổi mặt cùng cuộc sống trên quê hương tạm dung không phải nhỏ khi cộng đồng người Việt tự do vẫn còn bị nghị quyết 36 cùng bè lũ hoang tưởng ăn cơm quốc

gia thờ ma cộng sản tấn công hàng ngày trên toàn thế giới.

Tất cả những gì nói trên ảnh hưởng mạnh mẽ vào ý chí và lý tưởng. Làm người ai chẳng có lúc ốm đau yếu đuối, lúc tuyệt vọng để rồi chấp nhận cái số phận hẩm hiu. Nhưng phải tự nhủ lấy chính mình hãy cố gắng đứng lên trong tận cùng tuyệt vọng ấy để ý chí không bị lung lay cho dù gặp nhiều thử thách liên tục nhiều năm trường.

Hôm nay khi bắt đầu bước vào tuổi "Lục Thập Nhi Nhĩ Thuận" việc đèn sách đã tạm ỏn sau hơn mười năm mài đũa quanh nơi ghé nhà trường ở thành phố Sydney Úc Đại Lợi. Nghề nghiệp cũng tạm yên. Hàng ngày nhìn hình bóng chính mình trong gương rồi ngẫm nghĩ: không những già về hình dáng tuổi tác mà già về sự nhận thức chính trị thay đổi quá nhanh do kết quả sự toàn cầu hóa của cộng đồng thế giới hôm nay.

Do đó có nhiều thứ cần phải học: học yêu thương, học nhớ rồi học cách quên...

“Vớی chiêu bài hòa giải hòa hợp” ru ngon dỗ ngọt của Vẹm để cho quên, quên đi những khổ đau, quên đi quá khứ,... để quay về cùng xây dựng quê hương như “ngôn từ hoa mỹ” của những con vẹt thượng du Bắc Việt tuyên truyền. Nói thì

dễ nhưng cuộc đời không phải dễ như vậy! Khi muốn quên lại càng nhớ thêm. Khi những sự trả thù của bè lũ cộng sản Việt Nam đã và đang xảy ra hàng ngày trong và ngoài nước thì làm sao quên và thờ ơ cho được, khi quê hương mỗi ngày một rơi vào tay kẻ thù truyền kiếp Phương Bắc, đánh mất đi niềm tự hào dân tộc. Khi hàng triệu người Việt tị nạn cộng sản vẫn còn tha hương. Tội lỗi này ai đã gây ra làm khổ đau cho 90 triệu đồng bào ruột thịt.

*Từ ngày thê lương ấy
Súc vật lên làm người
Đã bốn một năm trời
Tâm hồn luôn áp ủ
Vẫn nguyên một ước mơ
Một quê hương tươi sáng
Không còn bóng cộng nô*

Xã hội Việt Nam ngày nay là thảm kịch về sự thấp hèn bất tín của con người trên mọi lãnh vực, không ai có thể tin ai được, tất cả đều sống trong lừa dối và tội ác, ngay chính với cả những người thân.

Tuy vẫn biết thế và cho dù tương lai quê hương ngày càng bi đát hơn, đi vào ngõ cụt không có lối thoát dưới sự lãnh đạo ngu xuẩn của bọn cộng sản Việt Nam và bóng ma ngàn năm đồ hộ của giặc Tàu ngày một lộ nguyên hình. Nhưng khát vọng và ước mơ về một ngày quê hương Việt Nam thoát



vòng nô lệ và kềm tỏa của cộng sản để thay vào đó một nước Việt Nam Cộng Hòa Tự do Dân chủ và Nhân quyền vẫn còn nguyên đó và luôn được hun đúc trong tinh thần tự thắng. Chẳng bao lâu nữa, nhất định ngày đó sẽ phải đến vì ý dân là ý trời: **THỤẬN THIÊN GIÁ TỒN, NGHỊCH THIÊN GIÁ VONG.**



BỐC NGẮN CẢN DÀI

MẶC GIAO

Canada của chúng tôi kỳ này chẳng có chuyện gì sôi động. Không phải mùa tranh cử, không có khủng bố (may quá!), chỉ có chuyện ngân sách quốc gia là đáng nói một tí cho vui. Nhiều độc giả không thích đọc chuyện tiền bạc nhà nước đâu, nhưng tôi cũng xin nói vắn tắt để chúng ta thấy cách sinh hoạt dân chủ ở xứ người nó như thế nào.

Tôi không đứng về phe này đảng nọ, chỉ trình bày sự kiện khách quan. Khi đảng Conservative với lãnh tụ Stephen Harper bị cử tri cho “nghi” cầm quyền vào tháng 10-2015, mặc dù trong thời gian cầm quyền họ đã cố gắng thực hiện thăng bằng ngân sách, thu được bao nhiêu xài bấy nhiêu, không vay nợ. Đó là trường hợp rất hiếm so với các nước ở Châu Âu và nhất là Hoa Kỳ (nợ như Chúa Chôm). Theo báo New York Times, Canada có một tầng lớp trung lưu (middle class) mạnh nhất thế giới. Tổ chức quan sát tài chính Forbes thì cho rằng Canada được xếp hạng cao nhất trong lãnh vực

doanh thương. Làm kinh tế có giỏi cách mấy nhưng khi dân chán rồi là dân cũng cho về vườn. Khi áp dụng những biện pháp tăng thu giảm chi để quân bình ngân sách, chắc chắn sẽ làm dân không hài lòng.

Đảng Liberal của ông Trudeau "con" khi tranh cử đã đưa "mồi nhử" cử tri bằng lời hứa sẵn sàng vay nợ, bội chi 10 tỷ Gia Kim để phát triển kinh tế qua việc xây dựng hạ tầng cơ sở (cầu, đường, phi trường, giao thông công cộng...) để tạo



TT Trudeau và Bộ Trưởng Tài Chính Morneau

thêm công ăn việc làm, giúp đỡ giới trung lưu, cải thiện điều kiện sống của dân bản địa (aboriginal people), nâng đỡ cựu quân nhân và người cao tuổi. Đường lối rất phù hợp với lý tưởng tả phái của phe xã hội thuộc thế giới tư bản.

Để cụ thể hóa lời hứa, chính phủ Liberal, ngày 22-3-2016, đã trình ngân sách tài khóa 2016-17 trước Quốc Hội. Ngân sách tài khóa này sẽ thiếu hụt 29.4 tỷ Gia Kim (không phải 10 tỷ như đã nói khi tranh cử). Ngân sách cho tài khóa sau, 2017-18, sẽ thiếu hụt 29 tỷ... Sau 5 năm nhiệm kỳ của ông Trudeau, chính phủ của ông sẽ tích lũy số nợ lên tới trên 100 tỷ Gia Kim. Và như thế, đây là lần đầu tiên Canada lại được xếp vào hàng ngũ các quốc gia đi vay nợ. Dĩ nhiên, so với Pháp nợ hàng trăm tỷ Euro mỗi năm, Mỹ nợ hàng ngàn tỷ

Đô La mỗi năm thì món nợ 100 tỷ Gia Kim của Canada trong vòng 5 năm xem ra chẳng thấm tháp gì (*ghi chú: 1 Gia Kim = 78 cents Mỹ. Hối xuất ngày 30-3-16*).

Trong trường hợp kinh tế suy trầm, việc châm thêm tiền, dù là tiền đi vay, để kích thích kinh tế là điều cần thiết. Biện pháp này gọi là "economy stimulus" (CSVN gọi là "kích cầu" nghe không giống ai, chỉ giống "Ba Tàu"!). Kinh tế Canada đâu đã đến nỗi suy trầm, mới chỉ hơi dậm chân tại chỗ (stagnation) vì giá dầu xuống, việc gì phải "tiêm" nhiều tiền đến thế? Xài rộng rãi thêm 10 tỷ đi mượn cũng đã đủ rồi.

Nhiều nhà kinh tế Canada bắt đầu lo ngại. Họ không tin Thủ Tướng Trudeau sẽ có thể thăng bằng ngân sách sau 5 năm như đã hứa. Muốn thăng bằng ngân sách thì kinh tế phải thịnh vượng hơn, tổng sản lượng nội địa phải tăng thêm mỗi năm ít nhất một điểm. Hiện tình kinh tế thế giới không mấy sáng sủa, giá dầu xuống thấp, trong khi Canada là một trong những nước sản xuất dầu khí quan trọng nhất thế giới, việc giữ mức phát triển kinh tế như cũ đã rất khó, huống chi còn muốn tăng thêm là điều hầu như khó thực hiện cho được.

Vay nợ là phải trả cả vốn lẫn lời. Số tiền này nằm trong phần chi của ngân sách hàng năm. Càng trả nợ nhiều thì càng phải giảm bớt ngân khoản dành cho các dịch vụ giáo dục, y tế, an ninh công cộng... Nếu phải hạn chế bớt các dịch vụ, dân sẽ bất mãn và sẽ bầu cho đảng khác. Đảng khác khi lên cầm quyền sẽ phải hót "đồng rác nợ". Vòng luẩn quẩn cứ quay như thế. Nhưng đó là dân chủ. Có bóc ngăn cản dài, có vung tay quá trớn cũng là để tiêu xài cho dân, cho nước, chứ không phải chia nhau bỏ túi riêng để mua nhà ở Mỹ, ở Canada, xây biệt thự như vua chúa, ngồi ghế chạm trổ rồng phượng mạ vàng,... như những lãnh tụ của "giai cấp vô sản"

ở Việt Nam ngày nay, trong khi người dân càng ngày càng
lầm than, khốn khổ!

Nghe xong chút chuyện thời sự Canada, bây giờ xin mời
quý vị trở lại chuyện Việt Nam nhân dịp tưởng niệm 41 năm
ngày 30 tháng Tư, ngày toàn dân Việt Nam bị đặt dưới sự
thống trị của cộng sản.

MỸ RÚT LUI TRONG DANH DỰ, VIỆT NAM LÃNH HẬU QUẢ 30 THÁNG 4

Mỗi năm, đến dịp 30 tháng Tư, cộng sản Việt Nam ở
trong nước thì ăn mừng chiến thắng, người Việt chạy trốn
cộng sản thì đau buồn tưởng niệm Tháng Tư Đen và lại đổ
lỗi cho mọi thứ người, từ người Mỹ, đến các lãnh đạo và
tướng tá VNCH, nhưng rất ít ai tự nhận phần lỗi của mình.
Có người nói tôi chỉ biết đánh giặc, rồi hết đạn, rồi cấp trên
ra lệnh buông súng. Tôi chẳng có lỗi gì. Người khác tự biện
minh tôi chỉ biết đi làm hoặc buôn bán nuôi con, các ông lớn
làm sao tôi chịu vậy. Tôi không có trách nhiệm gì trong việc
mất miền Nam. *Việc không nhận phần trách nhiệm mất miền
Nam chỉ đúng khi một thanh niên trước đó đã không tìm
cách trốn lính, người lính không tìm cách “chạy chọt” để
được đổi về đơn vị ít nguy hiểm, không đào ngũ, không thiếu
sốt bổn phận, không có hành động làm mất lòng dân trong
khi thi hành quân vụ; một nhân viên nhà nước không ăn hối
lộ, không làm khó dân, không lấy giờ công sở để làm việc
riêng của mình; hay một thường dân không chạy chọt “lính
ma lính kiếng” cho con, một thương gia không trốn xâu lậu
thuế, không đầu cơ tích trữ, không bán lậu thuốc Tây và thực
phẩm cho Việt Cộng... **Thực tế, không thể đòi hỏi mọi
người đều phải là công dân hoàn hảo. Nhưng sự thật là***

vào thời đó, đa số người dân miền Nam có thái độ khoan
trắng việc chống cộng cho chính quyền và quân đội. Chưa
kể, một đám người “ăn cơm Quốc Gia thờ ma cộng sản”. Họ
đâm những nhát dao sau lưng chiến sĩ,... Không ít người cố
võ một nền hòa bình vô điều kiện với lý luận cộng sản cũng
là người Việt mình, cứ ngưng đánh nhau rồi thế nào cũng
“hòa hợp, hòa giải” được! Nói ra thì không cùng. Cũng
chẳng nên đổ lỗi cho nhau làm gì nữa. Tuy nhiên câu **“Quốc
gia hưng vong, thất phu hữu trách”** vẫn luôn luôn đúng.
Một cách công bằng, kẻ làm lớn có trách nhiệm lớn, người
cấp nhỏ có trách nhiệm nhỏ.



TT Nixon và Cố Vấn Kissinger

Sau 41 năm tìm hiểu sự việc qua các tài liệu được giải
mật, qua các hồi ký, các cuốn sách nghiên cứu, người ta thấy
rõ Hoa Kỳ đã đổi quyết tâm chống cộng sản tại miền Nam
Việt Nam thành quyết tâm bỏ miền Nam, bất kể hậu quả ra

sao. Quyết tâm bỏ miền Nam được cặp bài trùng Nixon-Kissinger từ từ thực hiện ngay khi Nixon đắc cử tổng thống năm 1968. Nixon đã vận động tranh cử bằng lời hứa rút quân khỏi Việt Nam. Khi đắc cử, ông bắt đầu thi hành kế hoạch rút quân dưới chiêu bài Việt Nam Hóa chiến tranh. Những thiếu sót, sai lầm của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, thái độ thờ ơ của người dân miền Nam và những hành động phá hoại cuộc chiến đấu chống cộng của “vài bộ phận nhân dân” đã tạo thêm lý do cho Mỹ rút lui.

Sự thất bại của Mỹ được giải thích theo lối Mỹ qua Robert Mc Namara, nguyên Bộ Trưởng Quốc Phòng thời các tổng thống Kennedy và Johnson. Ông này khi tại chức đã từng đưa ý kiến thiết lập một hàng rào phòng thủ điện tử tại vĩ tuyến 17. Ông cựu CEO của hãng xe Ford làm chiến tranh và chính trị giống như làm thương mại. Ông cứ tưởng chặn cộng sản ở đường ranh Nam Bắc là miền Nam sẽ yên ổn. Ông không biết tới cộng sản nằm vùng và xâm nhập qua ngã Miền và đường mòn Hồ Chí Minh dọc biên giới Lào. Sau nhiều năm suy nghĩ, và có lẽ cũng để biện minh cho việc Mỹ không thể thắng, ông mới khám phá ra 6 điều sai lầm của chính sách Mỹ ở Việt Nam: không tham khảo các đồng minh Đông Nam Á qua tổ chức SEATO được thành lập từ 1954, không nhận định đúng sức mạnh của “lực lượng võ trang nhân dân” khi đương đầu với những vũ khí tối tân, không nhìn ra những giới hạn của viện trợ kinh tế và quân sự trong việc xây dựng một quốc gia, không duy trì được những nguyên tắc dân chủ trong việc cai trị Nam Việt Nam, không thấu hiểu sự liên hệ phức tạp giữa việc áp dụng sức mạnh quân sự và việc thực hiện những mục tiêu chính trị, và trên tất cả, là sự thất bại trong thể thức lấy quyết định của Mỹ. Những nhà làm chính sách *“đã không nêu những vấn đề căn bản, không nói tới những lựa chọn về chính sách và không*

nhìn nhận đã thất bại khi không làm như vậy" (xem **Kissinger 1923-1968: The Idealist**, Niall Ferguson, tr. 582, Penguin Press, New York 2015).

Những nhận định của Mc Namara có đôi điều đúng, nhưng nhiều điều nặng về lý thuyết. **Ông không để ý đến yếu tố con người, những nhà lãnh đạo quyết định chính sách và thi hành chính sách.**

Từ 1963, trong khi Tổng Thống John Kennedy có ý định rút bớt các cố vấn Mỹ ra khỏi Việt Nam thì lại có những áp lực chính trị nội bộ Mỹ muốn đưa quân tham chiến tại Việt Nam. Tổng Thống Kennedy không bày tỏ lập trường về vấn đề này, nhưng Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì cương quyết phản đối. Kết cục, cả TT Diệm và TT Kennedy đều bị sát hại trong thời gian gần nhau.

Phó Tổng Thống Lyndon Baines Johnson lên thay và bắt đầu leo thang chiến tranh bằng việc phong tỏa cảng Hải Phòng, oanh tạc từng phần miền Bắc sau vụ tàu Maddox năm 1964, và đổ quân vào Việt Nam năm 1965. Ông Mc Namara làm việc thân cận với TT Kennedy và với cả Phó TT Johnson mà không hiểu ông Johnson. Theo tác giả Naill Ferguson, ông Johnson không phải là người tử tế, lại có tật nghiện rượu. Ngay khi TT Kennedy chọn ông làm Phó Tổng Thống vào năm 1960, ông đã ra lệnh cho nhân viên tìm hiểu xem có bao nhiêu tổng thống chết giữa nhiệm kỳ trong 100 năm qua. Câu trả lời là có 5 trong số 18 vị tổng thống từ trần khi đang giữ nhiệm vụ. Nghe vậy, TT Johnson nói với nhân viên Clare Booth Luce: "*Clare, hãy nhìn này. Như vậy là cứ bốn tổng thống thì có một người chết giữa nhiệm kỳ. Tôi đánh cá đấy bạn, và đó là dịp may duy nhất cho tôi*". (sdd, tr. 595).

Chúng ta không phán xét về cá tính hay cách đối xử riêng tư của TT Johnson, nhưng chúng ta biết rõ ông là người sẵn sàng thay đổi lập trường vì lợi ích riêng. Ông phục vụ dưới trào TT Kennedy nhưng lại ủng hộ phe điều hâu. Khi có toàn quyền, ông cho leo thang chiến tranh và đưa quân Mỹ Vào Việt Nam, không cần thỏa thuận trước với chính phủ Việt Nam. Ba năm sau, 1968, ông biến thành một nhân vật hiểu hòa, mở cuộc đàm phán với cộng sản Bắc Việt, xuống thang các cuộc oanh tạc Bắc Việt, cố gắng đạt một thỏa ước hòa bình để bảo đảm thắng lợi cho phe Dân Chủ, dù ông không ra tranh cử vì thấy khó thắng. Hai phe Johnson và Nixon đều o bế TT Nguyễn Văn Thiệu vào lúc đó. Phe Johnson yêu cầu TT Thiệu đừng cản trở việc ký kết một thỏa ước hòa bình. Nếu hòa bình đạt được, phe Dân Chủ sẽ nắm chắc phần thắng. Trái lại, phe Nixon cố thuyết phục TT Thiệu kéo dài sự phản đối để một thỏa ước hòa bình không thể được ký trước ngày bầu cử, dĩ nhiên với những hứa hẹn ủng hộ Việt Nam tối đa khi Nixon đắc cử. Những lời hứa của Nixon được thực hiện ra sao chúng ta đã thấy.

Nhiều người chúng ta nghĩ đảng Cộng Hòa nói chung và Nixon nói riêng có khuynh hướng điều hâu, chống cộng tới cùng. Nên khi Nixon đắc cử, TT Thiệu và đa số dân miền Nam vui mừng và nuôi nhiều hy vọng. Ngay cố vấn an ninh của TT Nixon, Tiến sĩ Henry Kissinger cũng tỏ ra là một nhân vật chủ trương đánh cộng sản đến thắng lợi. Người ta nhắc tới bài viết của ông trong tạp chí *Look* từ 1966, trong đó ông viết rằng cuộc chiến tranh Việt Nam hiện nay là "*một thử nghiệm sinh tử về sự trưởng thành của Mỹ*". Dưới mắt ông, chỉ cần thực hiện việc Hoa Kỳ bước ra khỏi Nam Việt Nam cũng đã là phi lý tưởng, vô trách nhiệm - một sự phản bội những lý tưởng của Hoa Kỳ (sdd, tr. 672). Cựu Đại Sứ Henry Cabot Lodge, nhân vật chính trong việc triệt hạ nền

Đệ I VNCH, khi nói đến giải pháp chính phủ liên hiệp hay chính phủ đoàn kết dân tộc, cũng cho rằng giải pháp này giống như *"thả con cáo vào chuồng gà"* (sđd, tr.816). Nghe những lời tuyên bố như thế, ai cũng tưởng Hoa Kỳ sẽ giúp Nam Việt Nam chiến đấu đến lúc không còn cộng sản ở dưới vĩ tuyến 17 nữa.

Sự thật không phải như thế. Nói đi rồi vẫn có thể nói lại. Nay quyết định thế này, mai quyết định thế khác, vì quyền lợi cá nhân, phe phái, hay cao hơn là quyền lợi quốc gia của mỗi bên. Quyết tâm của Mỹ giúp Việt Nam chống cộng khởi đầu từ thời TT Eisenhower, tiếp sang thời TT Kennedy. Đến TT Johnson thì hăng hái lúc đầu nhưng từ từ chuyển sang tìm hòa bình dù phải trả giá mắc. Đến thời TT Nixon thì lúc nào miệng cũng hứa bảo vệ Nam Việt Nam, nhưng thực tế là tiến hành kế hoạch rút khỏi Việt Nam, nỗ lực đạt bằng được một thỏa ước hòa bình trong năm 1972, năm mà TT Nixon phải tái tranh cử. TT Nixon tái đắc cử nhưng lại vướng vào vụ Watergate nên chẳng bao lâu sau phải từ chức. Phó TT Gerald Ford được đôn lên thay thì yếu xìu, bị Quốc Hội bắt nạt, không dám đưa ra một sáng kiến hay quyết định nào. Giữa lúc Nixon bận rộn và bối rối, Kissinger bao thầu hết việc ngoại giao, dù chức vụ của ông chỉ là Cố Vấn An Ninh cho Tổng Thống. Kissinger coi Bộ Trưởng Ngoại Giao Rogers như không có, chỉ gọi ông này đến ký Hiệp Định Paris sau khi Kissinger đã điều đình xong.

Cuộc gặp gỡ Nixon - Mao Trạch Đông năm 1972 đã giúp Nixon yên tâm về mặt Trung Cộng, không sợ Trung Cộng tràn xuống các quốc gia Đông Nam Á vì không có khả năng. Như vậy chiến lược Domino không còn giá trị. Nam Việt Nam cũng mất vai trò tiền đồn chống cộng. Mỹ có thể an tâm rút khỏi Việt Nam, đưa các tù binh Mỹ về. Chuyện Việt

Nam sau đó ra sao, để người Việt Nam thảo luận với nhau. Thắng thua là việc nội bộ của họ, Hoa Kỳ không còn trách nhiệm. Thêm vào đó, giới trí thức và truyền thông thiên tả, giới sinh viên Mỹ đa số chống chiến tranh. Có bằng chứng tình báo Mỹ cho người xâm nhập các giới này, đặc biệt giới sinh viên, vừa để kiểm soát, vừa để kích động phong trào phản chiến, giúp chính phủ Mỹ có cơ phủ tay chuyện Việt Nam. Khi ký Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973, quân chiến đấu Mỹ đã rút về hết, chỉ còn những cố vấn và những đơn vị yểm trợ. Đó là chiến lược "rút lui trong danh dự" của Mỹ.



Đại Sứ Bunker, TS Kissinger, TT Nguyễn Văn Thiệu

Dĩ nhiên, việc điều đình để đi đến một giải pháp hòa bình không phải là việc dễ dàng. Mỗi thành phần trong cuộc vừa phải đối phó với địch vừa phải “đòn phép” với đồng minh. Kissinger đã khổ nhọc với Lê Đức Thọ lại phải chịu đựng và

mất kiên nhẫn với TT Nguyễn Văn Thiệu. Đọc hồi ký của ông, ta thấy Kissinger lúc đầu nghĩ rằng ông Thiệu sẽ dễ dàng chấp thuận thỏa hiệp đã được Kissinger và Lê Đức Thọ ký tạm (parafer), trong đó có cả điều kiện TT Thiệu phải từ chức và Hội Đồng Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc gồm ba thành phần (Quốc, Cộng và thành phần thứ ba) thay chính phủ VNCH cai trị miền Nam trong khi chờ tổng tuyển cử. TT Thiệu đã bác bỏ hoàn toàn và đưa ra 65 điều tu chỉnh, sửa đổi bản thỏa hiệp giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Điều này khiến Kissinger ngạc nhiên, bực bội và “ê mặt” vì lỡ tuyên bố với báo chí thế giới là *"Hòa bình ở trong tầm tay"*. Kissinger phải đi điều đình lại với Bắc Việt, rồi lại phải thuyết phục TT Thiệu. Việc này tái đi tái lại từ tháng 9, 1972 cho tới ngày ký Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973.

Kissinger ghi lại cuộc gặp gỡ TT Thiệu tại dinh Độc Lập khi ông đưa TT Thiệu bản đề nghị ký tạm giữa ông và Lê Đức Thọ ngày 15-9-1972:

"Ông Thiệu tiếp chúng tôi một cách lịch sự và nghiêm chỉnh như thói quen. Đôi mắt ông sáng nhưng không để lộ những ý nghĩ thâm kín, có thể là sự nghi ngại một siêu cường muốn áp đặt một thỏa hiệp... Tôi cam kết với ông rằng Hoa Kỳ không thể đề cao những nỗ lực ở Việt Nam bằng cách để mất danh dự, và chúng tôi không bao giờ đồng ý với một số người Mỹ coi TT Thiệu là một chướng ngại cho hòa bình. Tôi hy vọng rời Sài Gòn với sự thỏa thuận của Tổng Thống về lập trường và thái độ chung. Bắc Việt có thể để lỡ cơ hội thực hiện một cuộc ngừng bắn trước các cuộc bầu cử ở Mỹ. Còn rất nhiều điểm phải điều đình. Tuy nhiên, dù ý định của Hà Nội ra sao, điều quan trọng là Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn phải tỏ ra hòa giải nếu không muốn mất sự ủng hộ của quần chúng". (À La Maison Blanche, Hồi ký Henry

Kissinger, các tr. 1376, 1377, Fayard, Paris 1979, dịch từ White House Years).

Sau khi nói ngon ngọt như vậy, Kissinger đưa ngay cho TT Thiệu bản đề nghị “hắt” chức ông và giải tán chính phủ của ông. Cuộc chiến tranh lạnh giữa ông Thiệu và Kissinger bắt đầu. Trước sự từ chối cương quyết của TT Thiệu, Kissinger phải điều đình lại một cách rất khó khăn với Bắc Việt, kể cả việc phải đi tới tận Hà Nội. Mỗi khi Hà Nội thỏa thuận được một thay đổi nào, Kissinger lại báo cáo về Bạch Cung và soạn thư cho TT Nixon để Nixon ký tên khuyến cáo TT Thiệu nên chấp nhận. Thí dụ ngày 19-10-1972, Kissinger đến gặp TT Thiệu tại dinh Độc Lập. Phái đoàn phải chờ 15 phút rồi Hoàng Đức Nhã mới xuất hiện. Nhã nhận lá thư của TT Nixon gửi cho TT Thiệu do Kissinger chuyển bằng về mặt lạnh lùng. Đoạn kết của lá thư viết:

"Cuối cùng, tôi xin nói rằng sau khi đã cùng nhau chấp nhận những nguy hiểm trong chiến tranh, chúng ta cũng phải cùng nhau chấp nhận những nguy hiểm trong hòa bình. Ý định của chúng tôi là thành thực tôn trọng những điều kiện và thỏa hiệp một khi đã đồng thuận với Hà Nội, và tôi biết rằng đó cũng là thái độ của chính phủ của ngài. Tôi trông đợi Hà Nội cũng sẽ có cùng một thái độ, và chúng tôi cũng nói cho họ và cho các đồng minh chính của họ hiểu như vậy. Tôi có thể bảo đảm với ngài là chúng tôi coi việc không giữ lời của họ là điều hết sức trầm trọng và sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng nhất".

Dưới thư đánh máy, TT Nixon còn viết thêm mấy hàng chữ bằng tay:

"Ts Kissinger, Tướng Haig và tôi đã thảo luận kỹ lưỡng về đề nghị này. Cá nhân tôi, tôi tin rằng đó là đề nghị tốt

nhất mà chúng ta có được, và nó đáp ứng đòi hỏi tuyệt đối của tôi - phải hiểu là Chính phủ VN phải được tự do. Tôi tán thành không do dự những nhận định của Ts Kissinger". (Sách dẫn trên, tr. 1426).

Cộng sản đã nhượng bộ, không đòi TT Thiệu phải từ chức và chính phủ VNCH được thay thế bằng Hội Đồng Hòa Giải Hòa Hợp. Vì thế TT Nixon mới thúc dục TT Thiệu chấp thuận thỏa ước. Tuy nhiên TT Thiệu vẫn chưa chịu vì chưa đòi được Hà Nội rút hết quân Bắc Việt ra khỏi miền Nam. Đây là vấn đề khó khăn cho Mỹ vì Mỹ biết Hà Nội cương quyết không chịu bàn điều này. Nếu TT Thiệu quyết đòi, cuộc điều đình sẽ tan vỡ. Vì vậy TT Nixon phải gửi thư ngày 14-11-1972 trấn an TT Thiệu:

"Nhưng, điều quan trọng hơn những gì nói về điểm này trong thỏa ước là chúng tôi sẽ hành động ra sao nếu kẻ địch khởi động lại cuộc xâm lăng. Tôi xin bảo đảm tuyệt đối với ngài là nếu Hà Nội không thực hiện đúng như những điều được ghi trong thỏa ước, tôi sẽ phản ứng quyết liệt, không chậm trễ, bằng những cuộc trả đũa nặng nề". (Sách dẫn trên, tr,1471).

TT Nixon cũng cam kết như thế với ông Nguyễn Phú Đức, Phụ Tá Ngoại Giao của TT Thiệu, trong dịp tiếp ông Đức tại Tòa Bạch Ốc. Lần này, TT Nixon còn dọa nếu Sài Gòn không chịu ký, Quốc Hội sẽ cắt hết viện trợ ngay. Nixon cũng nói riêng với Kissinger là nếu Thiệu vẫn cứng đầu, Mỹ phải buộc lòng quay lưng lại với Thiệu.

Điều không ngờ là trong phiên họp kế tiếp, Hà Nội trở mặt bác bỏ toàn bộ những đề nghị của Mỹ và VNCH, kể cả những điều đã thảo luận và đồng ý. Nixon thấy không còn cách gì thuyết phục Hà Nội được nữa bèn quyết định oanh

tạc Hà Nội liên tục và đặt mìn lồi vào cảng Hải Phòng. Hà Nội chịu đựng cho đến ngày 7-12-1972 thì chấp nhận họp lại giữa Kissinger và Lê Đức Thọ. Lần này Lê Đức Thọ chấp nhận ngay 9 trong số 12 điểm sửa đổi đã được đồng ý từ phiên họp tháng 9. Dù vậy, vì cuộc điều đình chưa xong, các phi vụ oanh tạc vẫn tiếp diễn. Sau nhiều cuộc trao đổi giữa hai bên, TT Nixon công bố hội nghị sẽ mở lại ngày 3 tháng Giêng 1973 và sẽ ngưng oanh tạc sau 36 giờ tính từ khi nhận được xác định thỏa thuận của đối phương.



Tướng Haig được cử đến Sài Gòn (vì cả TT Thiệu lẫn Kissinger đều không muốn gặp mặt nhau nữa) ngày 16-1-1973 trao một lá thư mới của TT Nixon cho TT Thiệu để tái cam kết và yêu cầu TT Thiệu đồng ý những điều đã thỏa thuận giữa Mỹ và Bắc Việt. Lời lẽ của TT Nixon lần này cứng rắn, cảnh cáo rằng nếu TT Thiệu

không đi với ông thì ông sẽ đi một mình:

"... Do đó tôi đã quyết định dứt khoát ký tạm thỏa ước ngày 23-1-1973 và ký kết chính thức thỏa ước ngày 27-1-1973 ở Paris. Nếu cần, tôi sẽ làm điều ấy một mình. Trong trường hợp này, tôi sẽ phải giải thích công khai là chính phủ của ngài cản trở việc tiến tới hòa bình. Kết quả là việc đình chỉ không thể tránh viện trợ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ - và một sự cải tổ chính quyền của ngài cũng không thể làm

thay đổi được gì. Tuy nhiên tôi hy vọng rằng sau tất cả những gì mà hai nước chúng ta đã cùng chia sẻ và chịu đựng trong cuộc chiến này, chúng ta sẽ cùng nhau bảo vệ hòa bình và gặt hái những thành quả". (Sách dẫn trên, các tr. 1526, 1527).

TT Thiệu không còn lựa chọn nào khác, dù vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn. Ông lặng lẽ ra lệnh cho Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm trở lại Paris để ký Hiệp Định tái lập Hòa Bình ngày 27-1-1973.

Nhìn lại, Hiệp Định Paris là một thành công của Nixon và Kissinger trong kế hoạch rút khỏi Việt Nam "trong danh dự".

Mỹ đã nhượng bộ Bắc Việt quá nhiều, bất chấp quyền lợi của đồng minh Nam Việt Nam. Nhượng bộ lớn nhất là không buộc quân Bắc Việt phải rút về Bắc, trong khi toàn bộ quân Mỹ và quân của các đồng minh khác rút khỏi Nam Việt Nam. Điều này là một trong những lý do chính giúp cộng sản dễ dàng thôn tính miền Nam bằng quân sự.

Mỹ cũng phải nhượng bộ VNCH trong việc điều đình lại những thỏa thuận bất lợi quá lộ liễu cho VNCH. Việc đương đầu với Mỹ của TT Thiệu cũng đạt được một số kết quả, giúp VNCH sống thêm 2 năm 3 tháng.

Chính TT Nixon đã hứa hẹn, cam kết bảo vệ VNCH nếu cộng sản vi phạm Hiệp Ước. Những lời hứa đã trở thành mây khói, ngay điều khoản "Một đổi một" về vũ khí cũng không được Mỹ thi hành, nhất là khi TT Nixon vướng vào vụ Watergate và phải từ chức.

Không chỉ riêng Nixon và Kissinger chủ trương bỏ rơi Nam Việt Nam vì hết cần, cả Quốc Hội Mỹ cũng chủ trương

như thế nên quyết định làm ngơ trước yêu cầu lấy lệ của TT Ford xin viện trợ 700 triệu Đô la, rồi viện trợ khẩn cấp 300 triệu Đô la cho VNCH.

Người viết bài này không chủ trương phê bình cá nhân hay một vài tập thể thời VNCH, nhưng chỉ tiếc một điều là TT Nguyễn Văn Thiệu đã quá tin vào người Mỹ, đến lúc nhận ra sự thật thì đã quá muộn!

Số mệnh của một dân tộc cũng giống như số mệnh của một con người, khi gặp may thì mọi sự hanh thông, khi gặp rủi thì "giậu đổ bìm bịp leo". Bao nhiêu điều xui xẻo nằm ngoài khả năng kiểm soát đã dồn dập đổ xuống số phận của miền Nam Việt Nam từ khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa bị khai tử và Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị sát hại.

Một trong những cái xui đó là sự tráo trở của các lãnh đạo Hoa Kỳ, là những biến cố xảy ra tại Mỹ nhưng có hậu quả trực tiếp đến Việt Nam.

Một trong những hậu quả đó là Hiệp Định Paris dẫn đến biến cố 30 tháng Tư.

Nếu Mỹ không quyết tâm bỏ rơi Nam Việt Nam thì sẽ không có Hiệp Định Paris, hay sẽ có một hiệp định khác với nội dung khác.

Nếu Mỹ không quyết định rút chân khỏi Nam Việt Nam càng nhanh càng tốt thì cộng sản đâu có cơ hội ăn mừng chiến thắng 30 tháng Tư, sau khi họ biết Mỹ cho họ cơ hội "mười nghìn năm mới có một lần".

Đó là trách nhiệm của Mỹ. Chưa kể trách nhiệm của chúng ta...

Những bài thơ cũ



“Sưởi ấm hồn tôi những bài thơ cũ
Mặc cuộc đời ghi dấu vết tàn phai”
Vũ Hy Triệu K28

Phạm Kim Khôi, K19

*Những bài thơ cũ trong hồn ấm
Dấu vết thời gian chẳng xóa mờ
Tôi yêu kỷ niệm đời tôi lắm
Nên chuốt chau thành những áng thơ*

*Tôi viết bài thơ không tiễn đưa
Lên đường không có mắt thu mưa
Đời trai từ lúc vào sương gió
Là lúc đi xây mộng hải hồ*

Tôi viết bài thơ nhập bước vào
Quân trường của những ước mơ cao
Alpha đỏ nấu nung rèn luyện
Nhiệt huyết bùng lên cung kiếm trao

Tôi viết bài thơ thăm hậu phương
Kèm theo nỗi nhớ một người thương
Anh đi chiến dịch em chờ nhé
Hẹn đón mùa Xuân đẹp phố phường

Tôi viết bài thơ gửi đệ huynh
Chúng ta chung lứa tuổi đang trình
Anh ra chiến trận tôi tiền tuyến
Gương sáng trên vai nghiệp chúng mình

Tôi viết bài thơ vọng cố hương
Bị đồng minh phản bội thê lương
Bao nhiêu chiến sĩ cầm hờn chết
Và cả non sông lặng lẽ buồn

Ơi những bài thơ cũ đó ơi
Sao đời vật đổi không hề phai
Bao nhiêu ý tưởng tâm tình vẫn
Sưởi ấm hồn tôi nẻo cuộc đời